

Số: *181* /TTr-UBND

Thăng Bình, ngày 27 tháng 5 năm 2024

TỜ TRÌNH

**Đề nghị điều chỉnh Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 02/7/2020
về phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn trên địa bàn
huyện Thăng Bình, giai đoạn 2020 -2025**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Thăng Bình.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2917/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của UBND tỉnh về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 27/12/2016 của Tỉnh ủy về quản lý, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 19/6/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt Đề án quản lý chất thải rắn tỉnh Quảng Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam về ban hành kế hoạch phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 24/10/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Quy định về công tác quản lý, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo số 67/BC-TNMT ngày 09/5/2024;

Ngày 29/5/2020, UBND huyện Thăng Bình đã xây dựng Đề án số 532/ĐA-UBND về phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn trên địa bàn huyện Thăng Bình

giai đoạn 2020 - 2025 và đã được HĐND huyện Thăng Bình thông qua tại Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 02/7/2020.

Hiện nay, để phù hợp với tình hình thực tế, UBND huyện Thăng Bình đã điều chỉnh một số nội dung của Đề án phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn trên địa bàn huyện Thăng Bình giai đoạn 2020 – 2025 (đính kèm Đề án phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn trên địa bàn huyện Thăng Bình giai đoạn 2020 – 2025 – những nội dung điều chỉnh).

Để có cơ sở triển khai thực hiện, UBND huyện Thăng Bình kính đề nghị HĐND huyện xem xét điều chỉnh Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 02/7/2020 của HĐND huyện về phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn trên địa bàn huyện Thăng Bình giai đoạn 2020 -2025 với những nội dung cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh “Nội dung chương trình phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn trên địa bàn huyện” tại điểm 1, khoản II, Điều 1 Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 02/7/2020 của HĐND huyện như sau:

- Nội dung đã được thông qua:

“ a) Đối với hộ gia đình tại 21 xã và khu vực ngoại thị Hà Lam

Rác thải sinh hoạt phát sinh trong hộ gia đình tại 21 xã và khu vực ngoại thị Hà Lam hướng dẫn phân loại thành 03 loại rác (rác hữu cơ, rác tái chế, rác vô cơ); cần trang bị thùng rác có 03 ngăn với 03 màu sắc khác nhau để phân biệt hoặc có thể bố trí 03 thùng rác riêng biệt có màu sắc khác nhau.

Phương thức xử lý đối với rác hữu cơ: Rác hữu cơ dễ phân hủy được tận dụng làm thức ăn chăn nuôi hoặc làm phân bón cho cây trồng bằng hố rác gia đình.

Phương thức xử lý đối với rác tái chế: Sau khi phân loại có thể tái sử dụng lại hoặc được tách riêng để bán cho cơ sở thu mua phế liệu.

Phương thức xử lý đối với rác vô cơ (rác còn lại): Sau khi phân loại, rác vô cơ (rác còn lại) tập kết đúng nơi quy định để công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Nam thu gom trực tiếp hoặc Tổ thu gom rác thải của địa phương thu gom về điểm tập kết, hợp đồng với Công ty Môi trường Đô thị Quảng Nam vận chuyển và xử lý theo quy định.

b) Đối với các tổ chức và hộ gia đình thuộc khu vực nội thị Hà Lam

Rác thải sinh hoạt phát sinh từ các tổ chức và hộ gia đình thuộc khu vực nội thị Hà Lam hướng dẫn phân loại thành 02 loại rác (rác tái chế và rác còn lại); cần trang bị thùng rác có 02 ngăn với 02 màu sắc khác nhau để phân biệt hoặc có thể bố trí 02 thùng rác riêng biệt có màu sắc khác nhau.

Phương thức xử lý đối với rác tái chế: Sau khi phân loại có thể tái sử dụng lại hoặc được tách riêng để bán cho cơ sở thu mua phế liệu.

Phương thức xử lý đối với rác còn lại: Sau khi phân loại, rác vô cơ (rác còn lại) tập kết đúng nơi quy định để công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Nam thu gom trực tiếp hoặc Tổ thu gom rác thải của địa phương thu gom về điểm tập kết,

hợp đồng với Công ty Môi trường Đô thị Quảng Nam vận chuyển và xử lý theo quy định.”

- Đề nghị điều chỉnh thành:

“a. Đối với nhóm hộ gia đình có điều kiện tự xử lý chất thải sinh hoạt hữu cơ:

Đối với các hộ gia đình có điều kiện tự xử lý chất thải sinh hoạt hữu cơ (có thể xây dựng hố rác gia đình, có chăn nuôi) thì được hướng dẫn phân loại thành 03 loại:

- (1) Chất thải thực phẩm, các loại chất thải rắn hữu cơ dễ phân hủy khác;
- (2) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế;
- (3) Chất thải rắn sinh hoạt khác.

Hộ gia đình trang bị thùng đựng rác 02 ngăn hoặc 02 thùng (giỏ) rác riêng biệt có màu sắc khác nhau (hoặc các loại bao bì, thiết bị phù hợp): màu xanh đựng chất thải thực phẩm, các loại chất thải rắn hữu cơ dễ phân hủy khác (*chất thải thực phẩm, các loại chất thải rắn hữu cơ dễ phân hủy khác có thể tận dụng làm thức ăn chăn nuôi thì không bỏ vào thùng rác*) và màu còn lại (trừ màu xanh) đựng chất thải rắn sinh hoạt khác. Đối với chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế, hộ gia đình trang bị bao bì, thiết bị lưu chứa phù hợp.

Phương thức xử lý đối với chất thải thực phẩm, các loại chất thải rắn hữu cơ dễ phân hủy khác: Chất thải thực phẩm, các loại chất thải rắn hữu cơ dễ phân hủy khác được tận dụng làm thức ăn chăn nuôi, làm phân bón hữu cơ, chất cải tạo đất.

Phương thức xử lý đối với chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế: Sau khi phân loại được tận dụng để tái sử dụng lại hoặc được tách riêng để bán cho cơ sở thu mua phế liệu.

Phương thức xử lý đối với chất thải rắn sinh hoạt khác: Sau khi phân loại, chất thải rắn sinh hoạt khác tập kết đúng nơi quy định để Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Nam thu gom trực tiếp hoặc Tổ thu gom rác thải của địa phương thu gom về điểm tập kết, hợp đồng với Công ty Môi trường Đô thị Quảng Nam thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

b. Đối với nhóm hộ gia đình không có điều kiện tự xử lý chất thải sinh hoạt hữu cơ:

Đối với các hộ gia đình không có điều kiện tự xử lý chất thải sinh hoạt hữu cơ (không có chăn nuôi, không đủ điều kiện để thực hiện hố rác gia đình) thì chất thải rắn sinh hoạt được hướng dẫn phân thành 02 loại:

- (1) Chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế;
- (2) Chất thải rắn sinh hoạt còn lại (gồm: chất thải thực phẩm, các loại chất thải rắn hữu cơ dễ phân hủy khác và chất thải rắn sinh hoạt khác).

Hộ gia đình trang bị 01 thùng rác để đựng chất thải thực phẩm, các loại chất thải rắn hữu cơ dễ phân hủy khác và chất thải rắn sinh hoạt khác. Đối với chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế, hộ gia đình trang bị bao bì, thiết bị lưu chứa phù hợp.

Phương thức xử lý đối với chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế: Sau khi phân loại được tận dụng để tái sử dụng lại hoặc được tách riêng để bán cho cơ sở thu mua phế liệu.

Phương thức xử lý đối với chất thải rắn sinh hoạt còn lại: Sau khi phân loại, chất thải rắn sinh hoạt còn lại tập kết đúng nơi quy định để Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Nam thu gom trực tiếp hoặc Tổ thu gom rác thải của địa phương thu gom về điểm tập kết, hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Nam thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.”

2. Điều chỉnh “Giải pháp về trang thiết bị, phương tiện” tại tiết b, điểm 2, khoản II, Điều 1 Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 02/7/2020 của HĐND huyện như sau:

- Nội dung đã được thông qua:

“Hỗ trợ kinh phí cho các địa phương mua, cấp thùng đựng rác cho các hộ dân, hỗ trợ dán nhãn phân biệt và xây dựng hố rác tại gia đình. Đối với 04 xã triển khai thí điểm, hỗ trợ thùng rác cho tất cả hộ gia đình và 50% số hộ có xây hố rác gia đình. Đối với các xã còn lại hỗ trợ 500 thùng rác/xã và 400 hố rác/xã.

Bố trí thùng đựng rác có dán nhãn phân biệt tại các trụ sở cơ quan hành chính, trường học, chợ, khu vực công cộng,...trên địa bàn các xã, thị trấn.

Hỗ trợ kinh phí địa phương sắm mới, cải tiến xe thu gom rác thải trong các kiệt, ngõ hẻm; mua loa tuyên truyền cho từng thôn”.

- Đề nghị điều chỉnh thành:

“Đối với 04 địa phương thí điểm, hỗ trợ thùng rác cho tất cả các hộ gia đình và 50% số hộ có xây hố rác gia đình. Đối với 18 xã còn lại, hỗ trợ kinh phí xây dựng hố rác gia đình: 200.000 đồng/hố rác, số lượng hỗ trợ theo số lượng thực tế đăng ký thực hiện của các địa phương (tối đa không quá 900 hố rác/xã). UBND các xã, thị trấn có trách nhiệm rà soát, lựa chọn đối tượng hỗ trợ phù hợp theo tình hình thực tế tại địa phương.

Bố trí thùng đựng rác có dán nhãn phân biệt tại các trụ sở cơ quan hành chính, trường học, chợ, khu vực công cộng... trên địa bàn các xã, thị trấn.”

3. Điều chỉnh “Giải pháp kiểm tra, giám sát” tại tiết c, điểm 2, khoản II, Điều 1 Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 02/7/2020 của HĐND huyện như sau:

- Nội dung đã được thông qua:

“UBND các xã, thị trấn thành lập Tổ kiểm tra, giám sát phân loại rác thải tại mỗi địa phương. Tổ kiểm tra, giám sát có trách nhiệm tuyên truyền, vận động các hộ dân đăng ký và tham gia Đề án, trực tiếp hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc phân loại rác của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trên địa bàn. Tổ thu gom rác của địa

phương thực hiện việc kiểm tra, trực tiếp phân loại rác thải lại nếu hộ dân thực hiện chưa đảm bảo.

Huyện hỗ trợ 70% kinh phí chi cho Tổ kiểm tra, giám sát và Tổ thu gom rác thải địa phương, còn lại 30% kinh phí do UBND các xã, thị trấn đối ứng.

Chi phí hỗ trợ Tổ kiểm tra, giám sát với mức 500.000 đồng/tháng, hỗ trợ Tổ thu gom rác thải địa phương với mức 1.000.000 đồng/tháng, thời gian hỗ trợ trong 01 năm đầu tiên triển khai Đề án theo lộ trình các địa phương, số lượng hỗ trợ: Tổ kiểm tra, giám sát: 03 người/thôn, số lượng Tổ thu gom 03 người/thôn.”

- Đề nghị điều chỉnh thành:

“UBND các xã, thị trấn thành lập Tổ kiểm tra, giám sát phân loại rác thải tại mỗi địa phương. Tổ kiểm tra, giám sát có trách nhiệm tuyên truyền, vận động các hộ dân đăng ký và tham gia Đề án, trực tiếp hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc phân loại rác của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trên địa bàn.

Huyện hỗ trợ 70% kinh phí chi cho Tổ kiểm tra, giám sát, còn 30% kinh phí do UBND các xã, thị trấn đối ứng.

Chi phí hỗ trợ Tổ kiểm tra, giám sát với mức 1.000.000 đồng/tháng/thôn; thời gian hỗ trợ trong 01 năm đầu tiên triển khai Đề án phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn.”

4. Điều chỉnh “Lộ trình, kinh phí thực hiện tại Khoản III Điều 1 Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 02/7/2020 của HĐND huyện như sau:

- Nội dung đã được thông qua:

“1. Lộ trình thực hiện:

- **Năm 2020:** Xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện Đề án; tổ chức tập huấn, tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng.

- Giai đoạn 2021 – 2022:

Năm 2021: triển khai thực hiện thí điểm Đề án phân loại, giảm thiểu rác thải hộ gia đình tại 04 xã/thị trấn (20 thôn/khu phố) gồm: xã Bình Minh, xã Bình Chánh, xã Bình Phú và thị trấn Hà Lam, cụ thể: trong 06 tháng đầu năm 2021, triển khai thực hiện thí điểm tại 4 thôn/khu phố gồm: thôn Bình Tịnh, xã Bình Minh; thôn Tú Trà, xã Bình Chánh, thôn Phước Hà, xã Bình Phú và khu phố 7, thị trấn Hà Lam; đến 06 tháng cuối năm triển khai toàn bộ các thôn/khu phố còn lại.

Năm 2022: đánh giá kết quả triển khai thí điểm, triển khai nhân rộng Đề án trên địa bàn 05 xã (23 thôn) gồm: xã Bình Triều, xã Bình Sa, xã Bình Nguyên, xã Bình Trị, xã Bình An.

- Giai đoạn 2023 – 2025:

Hoàn thành triển khai Đề án trên toàn địa bàn huyện, cụ thể:

Năm 2023, triển khai tại 05 xã (25 thôn) gồm các xã: Bình Tú, Bình Định Bắc, Bình Định Nam, Bình Trung và Bình Dương.

Năm 2024, triển khai tại 04 xã (18 thôn) gồm các xã; Bình Quý, Bình Giang, Bình Đào và Bình Phục.

Năm 2025, triển khai tại 04 xã còn lại (20 thôn) gồm các xã: xã Bình Hải, Bình Nam, Bình Quế và Bình Lãnh.

2. Kinh phí thực hiện:

Tổng nguồn vốn thực hiện: 15.582.200.000 đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách huyện: 13.425.000.000 đồng

- Vốn ngân sách xã: 2.157.200.000 đồng.

- Tổng nguồn vốn triển khai thực hiện và duy trì cụ thể như sau:

+ Kinh phí truyền thông: 1.402.2000.000 đồng (ngân sách huyện: 1.402.2000.000 đồng; ngân sách xã: 0 đồng).

+ Kinh phí đầu tư trang thiết bị, phương tiện: 8.456.000.000 đồng (ngân sách huyện: 8.016.000.000 đồng; ngân sách xã: 440.000.000 đồng).

+ Kinh phí duy trì Đề án: 5.724.000.000 đồng (ngân sách huyện: 4.006.800.000 đồng; ngân sách xã: 1.717.200.000 đồng).

(Chi tiết tại Phụ lục Bảng 01A, 01B)

Trong đó, kinh phí phân bổ để thực hiện và duy trì Đề án cho các cơ quan là 1.586.200.000 đồng (ngân sách huyện 1.586.200.000 đồng, ngân sách xã: 0 đồng); mức kinh phí đầu tư thực hiện và duy trì Đề án cho các địa phương là 13.996.000.000 đồng (ngân sách huyện: 11.838.800.000 đồng, ngân sách xã: 2.157.200.000 đồng. *(chi tiết tại phụ lục 02A, 02B).*”

- Đề nghị điều chỉnh thành:

“1. Lộ trình thực hiện:

- **Năm 2020:** Xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện Đề án; tổ chức tập huấn, tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng.

- **Giai đoạn 2021 – 2023:** triển khai thực hiện thí điểm Đề án phân loại, giảm thiểu rác thải hộ gia đình tại 04 xã/thị trấn (20 thôn/khu phố) gồm: xã Bình Minh, xã Bình Chánh, xã Bình Phú và thị trấn Hà Lam và tổ chức đánh giá hiệu quả triển khai thí điểm Đề án phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn.

- **Giai đoạn 2024 - 2025:** hoàn thành triển khai Đề án phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn trên toàn địa bàn huyện, cụ thể:

+ Năm 2024: triển khai thực hiện tại 09 xã gồm các xã: Bình Nam, Bình Giang, Bình Đào, Bình Sa, Bình Dương, Bình Trung, Bình Phục, Bình Tú, Bình Triều.

+ Năm 2025: triển khai thực hiện tại 09 xã còn lại gồm các xã: Bình Quý, Bình Định Bắc, Bình An, Bình Hải, Bình Quế, Bình Lãnh, Bình Định Nam, Bình Nguyên, Bình Trị.

2. Kinh phí thực hiện:**Tổng nguồn vốn thực hiện: 8.233.100.000 đồng, trong đó:**

- Vốn ngân sách huyện: 7.923.500.000 đồng
- Vốn ngân sách xã: 309.600.000 đồng.
- Tổng nguồn vốn thực hiện cụ thể như sau:
 - + Kinh phí truyền thông: 1.460.000.000 đồng (ngân sách huyện: 1.460.000.000 đồng; ngân sách xã: 0 đồng).
 - + Kinh phí đầu tư trang thiết bị, phương tiện: 5.386.850.000 đồng (ngân sách huyện: 5.386.850.000 đồng; ngân sách xã: 0 đồng).
 - + Kinh phí kiểm tra, giám sát: 1.385.850.000 đồng (ngân sách huyện: 1.076.250.000 đồng; ngân sách xã: 309.600.000 đồng).

(Chi tiết tại Phụ lục Bảng 01A, 01B)

- Kinh phí thực hiện và dự kiến phân bổ cho các cơ quan, địa phương thực hiện Đề án phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn:

+ Kinh phí thực hiện và dự kiến phân bổ cho các cơ quan thực hiện Đề án là: 1.275.820.000 đồng (ngân sách huyện: 1.275.820.000 đồng; ngân sách xã: 0 đồng), trong đó kinh phí đã phân bổ thực hiện là: 383.820.000 đồng, kinh phí dự kiến phân bổ thực hiện là: 892.000.000 đồng.

+ Kinh phí thực hiện và dự kiến phân bổ cho các địa phương thực hiện Đề án là: 6.957.280.000 đồng (ngân sách huyện: 6.647.680.000 đồng; ngân sách xã: 309.600.000 đồng), trong đó kinh phí đã phân bổ thực hiện là: 1.937.280.000 đồng (ngân sách huyện: 1.937.280.000 đồng; ngân sách xã: 0 đồng); kinh phí dự kiến phân bổ thực hiện là 5.020.000.000 đồng (ngân sách huyện: 4.710.400.000 đồng; ngân sách xã: 309.600.000 đồng).

(Chi tiết tại Phụ lục Bảng 02A, 02B)

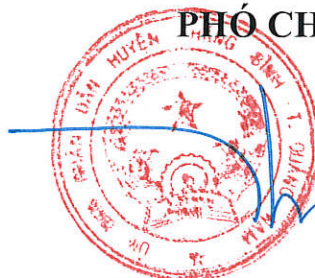
UBND huyện Thăng Bình kính đề nghị HĐND huyện xem xét thống nhất thông qua.

(Tờ trình này thay thế Tờ trình số 163/TTr-UBND ngày 15/5/2024 của UBND huyện Thăng Bình).

Nơi nhận: *LH*

- Như trên;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Thị Nhi



**BẢNG 01A. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÂN LOẠI,
GIẢM THIỂU RÁC THẢI TẠI NGUỒN GIAI ĐOẠN 2020 - 2025**
(Kèm theo Tô trình số 181 /TT-UBND ngày 27 /5/2024 của UBND huyện Thăng Bình)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Hoạt động	Tổng kinh phí 2020 - 2025		Năm 2020 (Đã thực hiện)				Giai đoạn 2021 - 2023 (Đã thực hiện)			Giai đoạn 2024 - 2025		
		Tổng	Ngân sách huyện	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Tổng	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Tổng	Ngân sách huyện	Ngân sách xã
	TỔNG CỘNG:	8.233,10	7.923,50	309,60	10,00	10,00	-	2.311,10	2.311,10	-	5.912,00	5.602,40	309,60
I	Truyền thông	1.460,40	1.460,40	-	10,00	10,00	-	314,40	314,40	-	1.136,00	1.136,00	-
II	Trang thiết bị, phương tiện	5.386,85	5.386,85	-	-	-	-	1.642,85	1.642,85	-	3.744,00	3.744,00	-
III	Kiểm tra, giám sát thực hiện Đề án	1.385,85	1.076,25	309,60	-	-	-	353,85	353,85	-	1.032,00	722,40	309,60



BẢNG 01B. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÂN LOẠI, GIẢM THIỂU RÁC THẢI TẠI NGUỒN GIAI ĐOẠN 2020 -2025

(Kèm theo Trình tự số 1.81/TT-UBND ngày 23/5/2024 của UBND huyện Thăng Bình)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG	Tổng Kinh phí	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng/lớp, buổi, quyển...)	Năm 2020 (Đã thực hiện)				Giai đoạn 2021- 2023 (Đã thực hiện)				Giai đoạn 2024-2025			
					Khối lượng	Tổng kinh phí	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Khối lượng	Tổng kinh phí	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Khối lượng	Tổng kinh phí	Ngân sách huyện	Ngân sách xã
I	TỔNG CỘNG (I+II+III)	8.233,1				10,0	10,0	10,0	-	2.311,1	2.311,1	-	-	5.912,0	5.602,4	309,6
	TRUYỀN THÔNG	1.460,4				10,0	10,0	-	-	314,4	314,4	-	-	1.136,0	1.136,0	-
1	Tập huấn cho lực lượng nòng cốt của huyện và 22 xã, thị trấn	215,0	lớp	10	1	10,0	10,0	-	5	25,0	25,0	-	-	18	180,0	180,0
2	Tập huấn hướng dẫn phân loại, giảm thiểu rác thải cho hộ dân, 106 thôn, khối phố	511,7	lớp	5						81,7	81,7	-	-	86	430,0	430,0
3	Ngoại khóa cho học sinh (30 trường) tiểu học về phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn	165,0	buổi	5					4	35,0	35,0	-	-	26	130,0	130,0
4	Truyền thông, vận động hội viên PN đăng ký tham gia và thực hiện Đề án	154,0	đợt	7					4	28,0	28,0	-	-	18	126,0	126,0
5	Số tay hướng dẫn phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn cho cán bộ tuyên truyền tại 22 xã, thị trấn	99,7	quyển	0,03					3500	99,7	99,7	-	-			
6	Tờ rơi phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn hộ gia đình	234,0	tờ	0,0045					10.000	45,0	45,0	-	-	42.000	189,0	189,0
7	Tờ rơi hướng dẫn phân loại, giảm thiểu RT tại nguồn cho trường học	81,0	tờ	0,0045										18.000	81,0	81,0

TT	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG	Tổng Kinh phí	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng/lớp, buổi, quyển...)	Năm 2020 (Đã thực hiện)			Giai đoạn 2021- 2023 (Đã thực hiện)			Giai đoạn 2024-2025				
					Khối lượng	Tổng kinh phí	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Khối lượng	Tổng kinh phí	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Khối lượng	Tổng kinh phí	Ngân sách huyện
II	TRANG THIẾT BỊ, PHƯƠNG TIỆN	5.386,9				-	-	-	1.642,9	1.642,9	-	-	3.744,0	3.744,0	-
7	Trang bị loa tuyên truyền cho thôn	120,0	cái	6				20	120,0	120,0	-	-	-	-	-
8	Thùng đựng rác hộ gia đình	980,1	thùng	0,15				7.617	980,1	980,1	-	-	-	-	-
9	Hỗ trợ xây dựng hố rác gia đình	3.458,2	cái	0,2				1.091	218,2	218,2	-	-	3.240,0	3.240,0	-
10	Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp xe thu gom	157,8							157,8	157,8	-	-	-	-	-
11	Bổ trí thùng rác 02 ngăn tại các cơ quan	81,1	thùng					104	81,1	81,1	-	-	-	-	-
13	Bổ trí thùng rác 02 ngăn tại các trường học	246,0	thùng	3				20	60,0	60,0	-	-	186,0	186,0	-
14	Bổ trí thùng rác 02 ngăn tại các chợ	85,6	thùng	3				5	25,6	25,6	-	-	60,0	60,0	-
15	Bổ trí thùng rác 02 ngăn tại khu vực công cộng	258,0	Thùng	3				0	-	-	-	-	258,0	258,0	-
III	KIỂM TRA, GIÁM SÁT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN	1.385,9				-	-	-	353,85	353,85	-	-	1032	722,4	309,6
16	Hỗ trợ Tổ kiểm tra, giám sát của địa phương	1.217,9	thôn/ năm					60	185,9	185,9	-	-	1.032,0	722,4	309,6
17	Hỗ trợ Tổ thu gom của địa phương	168,0	thôn/ năm					26	168,0	168,0	-	-	-	-	-



**BẢNG 02A. KINH PHÍ THỰC HIỆN VÀ DỰ KIẾN PHÂN BỐ CHO CÁC CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN
ĐỀ ÁN PHÂN LOẠI, GIẢM THIỂU RÁC THẢI TÀI NGUYÊN GIAI ĐOẠN 2020 - 2025**

(Kèm theo Tờ trình số 181 /TTy-UBND ngày 27 /5/2024 của UBND huyện Thăng Bình)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Cơ quan, địa phương	Tổng kinh phí 2020 - 2025			Năm 2020 (Đã thực hiện)			Giai đoạn 2021 - 2023 (Đã thực hiện)			Giai đoạn 2024 - 2025		
		Tổng	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Tổng	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Tổng	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Tổng	Ngân sách huyện	Ngân sách xã
	TỔNG (A+B)	8.233,10	7.923,50	309,60	10,00	10,00	-	2.311,10	2.311,10	-	5.912,00	5.602,40	309,60
A	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	1.275,82	1.275,82	-	10,00	10,00	-	373,82	373,82	-	892,00	892,00	-
I	Phòng TN&MT	629,82	629,82	-	10,00	10,00	-	250,82	250,82	-	369,00	369,00	-
II	Phòng GD&ĐT	327,00	327,00	-	-	-	-	60,00	60,00	-	267,00	267,00	-
III	Hội LHPN huyện	154,00	154,00	-	-	-	-	28,00	28,00	-	126,00	126,00	-
IV	Huyện đoàn	165,00	165,00	-	-	-	-	35,00	35,00	-	130,00	130,00	-
B	ĐỊA PHƯƠNG	6.957,28	6.647,68	309,60				1.937,28	1.937,28	-	5.020,00	4.710,40	309,60
CÁC ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN THÍ ĐIỂM GIAI ĐOẠN 2021 - 2023		1.937,28	1.937,28	-				1.937,28	1.937,28	-			-
1	UBND xã Bình Minh	460,63	460,63	-				460,63	460,63	-			
2	UBND xã Bình Chánh	355,90	355,90	-				355,90	355,90	-			
3	UBND xã Bình Phú	382,49	382,49	-				382,49	382,49	-			
4	UBND thị trấn Hà Lam	738,27	738,27	-				738,27	738,27	-			

TT	Cơ quan, địa phương	Tổng kinh phí 2020 - 2025			Năm 2020 (Đã thực hiện)			Giai đoạn 2021 - 2023 (Đã thực hiện)			Giai đoạn 2024 - 2025		
		Tổng	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Tổng	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Tổng	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Tổng	Ngân sách huyện	Ngân sách xã
II	CÁC ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN 2024 - 2025	5.020,00	4.471,80	309,60						5.020,00	4.710,40	309,60	
II.1	Năm 2024	953,00	548,80	165,60						953,00	787,40	165,60	
5	UBND xã Bình Nam	123,00	101,40	21,60						123,00	101,40	21,60	
6	UBND xã Bình Giang	83,00	68,60	14,40						83,00	68,60	14,40	
7	UBND xã Bình Đào	83,00	68,60	14,40						83,00	68,60	14,40	
8	UBND xã Bình Sa	103,00	85,00	18,00						103,00	85,00	18,00	
9	UBND xã Bình Dương	86,00	71,60	14,40						86,00	71,60	14,40	
10	UBND xã Bình Trung	143,00	117,80	25,20						143,00	117,80	25,20	
11	UBND xã Bình Phục	83,00	68,60	14,40						83,00	68,60	14,40	
12	UBND xã Bình Tú	163,00	134,20	28,80						163,00	134,20	28,80	
13	UBND xã Bình Triều	86,00	71,60	14,40						86,00	71,60	14,40	
II.2	Năm 2025	827,00	683,00	144,00						827,00	683,00	144,00	
14	UBND xã Bình Quý	126,00	104,40	21,60						126,00	104,40	21,60	
15	UBND xã Bình Định Bắc	63,00	52,20	10,80						63,00	52,20	10,80	
16	UBND xã Bình An	143,00	117,80	25,20						143,00	117,80	25,20	
17	UBND xã Bình Hải	80,00	65,60	14,40						80,00	65,60	14,40	
18	UBND xã Bình Quế	83,00	68,60	14,40						83,00	68,60	14,40	
19	UBND xã Bình Lãnh	123,00	101,40	21,60						123,00	101,40	21,60	
20	UBND xã Bình Định Nam	60,00	49,20	10,80						60,00	49,20	10,80	
21	UBND xã Bình Nguyễn	83,00	68,60	14,40						83,00	68,60	14,40	
22	UBND xã Bình Trị	66,00	55,20	10,80						66,00	55,20	10,80	
II.3.	18 xã thực hiện trong giai đoạn 2024 - 2025 (Hỗ trợ xây dựng hồ rác gia đình)	3.240,00	3.240,00	-						3.240,00	3.240,00	-	



**BẢNG 02B. DỰ TOÁN MỨC KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÂN LOẠI,
GIẢM THIỂU RÁC THẢI TẠI NGUỒN GIAI ĐOẠN 2024 -2025**
(Kèm theo Tờ trình số 181/Tr-UBND ngày 27/5/2024 của UBND huyện Thăng Bình)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Cơ quan/ địa phương chủ trì thực hiện	Nội dung hoạt động	Tổng kinh phí	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng/cái, lớp...)	Giai đoạn 2024-2025				
						Khối lượng	Tổng kinh phí	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	
A	CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ (I=1+2+3+4)		892,00				892,0	892,0	-	
I	PHÒNG TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG	Tập huấn cho lực lượng nông cốt của huyện và 22 xã, thị trấn	180,00	Lớp	10	18	180,0	180,0	-	
		Thiết kế, in, cấp phát tờ rơi phân loại, giảm thiểu rác thải cho hộ gia đình	189,00	Tờ	0,0045	42.000	189,0	189,0	-	
		TỔNG 1:	369,00				369,0	369,0	-	
		Thiết kế, in, cấp phát tờ rơi hướng dẫn phân loại, giảm thiểu RT tại nguồn cho trường học	81,00	Tờ	0,0045	18.000	81,0	81,0	-	
II	PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO	Bố trí thùng rác tại các trường học	186,00	Thùng	3	62	186,0	186,0	-	
		TỔNG 2:	267,00				267,0	267,0	-	
		Truyền thông, vận động hội viên đăng ký và tham gia Đề án	126,00	Đợt	7	18	126,0	126,0	-	
III	HỘI LH PHỤ NỮ HUYỆN	TỔNG 3:	126,00				126,0	126,0	-	
		Ngoại khóa cho học sinh (30 trường) tiêu học về phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn	130,00	Buổi	5	26	130,0	130,0	-	
IV	HUYỆN ĐOÀN	TỔNG 4:	130,00				130,0	130,0	-	

TT	Cơ quan/ địa phương chủ trì thực hiện	Nội dung hoạt động	Tổng kinh phí	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng/cái, lớp...)	Giai đoạn 2024-2025					
						Khối lượng	Tổng kinh phí	Ngân sách huyện	Ngân sách xã		
B	UBND CÁC XÃ (I+II+III)		5.020,00				5.020,00	4.710,40	309,60		
I	CÁC ĐỊA PHƯƠNG TRIỂN KHAI NĂM 2024 (I = 5+6+...+13)		953,00				953,0	787,4	165,6		
5	UBND xã Bình Nam	Tập huấn hướng dẫn phân loại, giám thiếu rác thải cho các hộ dân tại các thôn, tổ	30,00	lớp	5	6	30,0	30,0	-		
		Hỗ trợ xây dựng hố rác gia đình	Hỗ trợ theo số lượng thực tế đăng ký thực hiện của địa phương								
		Bố trí thùng rác tại các chợ	3,00	thùng	3	1	3,0	3,0	-		
		Bố trí thùng rác tại khu vực công cộng	18,00	Thùng	3	6	18,0	18,0			
		Hỗ trợ Tô kiểm tra, giám sát của địa phương	72,00	thôn/năm	12	6	72,0	50,4	21,6		
		TỔNG 5:	123,00				123,0	101,4	21,6		
6	UBND xã Bình Giang	Tập huấn hướng dẫn phân loại, giám thiếu rác thải cho các hộ dân tại các thôn, tổ	20,00	lớp	5	4	20,0	20,0	-		
		Hỗ trợ xây dựng hố rác gia đình	Hỗ trợ theo số lượng thực tế đăng ký thực hiện của địa phương								
		Bố trí thùng rác tại các chợ	3,00	thùng	3	1	3,0	3,0	-		
		Bố trí thùng rác tại khu vực công cộng	12,00	Thùng	3	4	12,0	12,0			
		Hỗ trợ Tô kiểm tra, giám sát của địa phương	48,00	thôn/năm	12	4	48,0	33,6	14,4		
		TỔNG 6:	83,00				83,0	68,6	14,4		
7	UBND xã Bình Đào	Tập huấn hướng dẫn phân loại, giám thiếu rác thải cho các hộ dân tại các thôn, tổ	20,00	lớp	5	4	20,0	20,0	-		
		Hỗ trợ xây dựng hố rác gia đình	Hỗ trợ theo số lượng thực tế đăng ký thực hiện của địa phương								
		Bố trí thùng rác tại các chợ	3,00	thùng	3	1	3,0	3,0	-		
		Bố trí thùng rác tại khu vực công cộng	12,00	Thùng	3	4	12,0	12,0			
Hỗ trợ Tô kiểm tra, giám sát của địa phương	48,00	thôn/năm	12	4	48,0	33,6	14,4				

TT	Cơ quan/ địa phương chủ trì thực hiện	Nội dung hoạt động	Tổng kinh phí	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng/cái, lớp...)	Giai đoạn 2024-2025				
						Khối lượng	Tổng kinh phí	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	
		TỔNG 7:	83,00				83,0	68,6	14,4	
		Tập huấn hướng dẫn phân loại, giám thiếu rác thải cho các hộ dân tại các thôn, tổ	25,00	lớp	5	5	25,0	25,0		-
		Hỗ trợ xây dựng hố rác gia đình								
		Bổ trí thùng rác tại các chợ	3,00	thùng	3	1	3,0	3,0		-
		Bổ trí thùng rác tại khu vực công cộng	15,00	Thùng	3	5	15,0	15,0		
		Hỗ trợ Tô kiểm tra, giám sát của địa phương	60,00	thôn/năm	12	5	60,0	42,0		18,0
		TỔNG 8:	103,00				103,0	85,0	18,0	
		Tập huấn hướng dẫn phân loại, giám thiếu rác thải cho các hộ dân tại các thôn, tổ	20,00	lớp	5	4	20,0	20,0		-
		Hỗ trợ xây dựng hố rác gia đình								
		Bổ trí thùng rác tại các chợ	6,00	thùng	3	2	6,0	6,0		-
		Bổ trí thùng rác tại khu vực công cộng	12,00	Thùng	3	4	12,0	12,0		
		Hỗ trợ Tô kiểm tra, giám sát của địa phương	48,00	thôn/năm	12	4	48,0	33,6		14,4
		TỔNG 9:	86,00				86,0	71,6	14,4	
		Tập huấn hướng dẫn phân loại, giám thiếu rác thải cho các hộ dân tại các thôn, tổ	35,00	lớp	5	7	35,0	35,0		-
		Hỗ trợ xây dựng hố rác gia đình								
		Bổ trí thùng rác tại các chợ	3,00	thùng	3	1	3,0	3,0		-
		Bổ trí thùng rác tại khu vực công cộng	21,00	Thùng	3	7	21,0	21,0		
		Hỗ trợ Tô kiểm tra, giám sát của địa phương	84,00	thôn/năm	12	7	84,0	58,8		25,2
		TỔNG 10:	143,00				143,0	117,8	25,2	
10	UBND xã Bình Trung									

TT	Cơ quan/ địa phương chủ trì thực hiện	Nội dung hoạt động	Tổng kinh phí	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng/cái, lớp...)	Giai đoạn 2024-2025								
						Khối lượng	Tổng kinh phí	Ngân sách huyện	Ngân sách xã					
11	UBND xã Bình Phục	Tập huấn hướng dẫn phân loại, giảm thiểu rác thải cho các hộ dân tại các thôn, tổ	20,00	lớp	5	4	20,0	20,0	-					
			Hỗ trợ xây dựng hố rác gia đình											
			Hỗ trợ theo số lượng thực tế đăng ký thực hiện của địa phương											
			3,00	thùng	3	1	3,0	3,0	-					
			12,00	Thùng	3	4	12,0	12,0						
		48,00	thôn/ năm	12	4	48,0	33,6	14,4						
		TỔNG 11:												
					83,00				68,6	14,4				
		12	UBND xã Bình Tú	Tập huấn hướng dẫn phân loại, giảm thiểu rác thải cho các hộ dân tại các thôn, tổ	Hỗ trợ xây dựng hố rác gia đình									
					Hỗ trợ theo số lượng thực tế đăng ký thực hiện của địa phương									
					3,00	thùng	3	1	3,0	3,0	-			
24,00	Thùng				3	8	24,0	24,0						
96,00	thôn/ năm				12	8	96,0	67,2	28,8					
TỔNG 12:														
			163,00				134,2	28,8						
13	UBND xã Bình Triều	Tập huấn hướng dẫn phân loại, giảm thiểu rác thải cho các hộ dân tại các thôn, tổ	Hỗ trợ xây dựng hố rác gia đình											
			Hỗ trợ theo số lượng thực tế đăng ký thực hiện của địa phương											
			6,00	Thùng	3	2	6,0	6,0	-					
			12,00	Thùng	3	4	12,0	12,0						
			48,00	thôn/ năm	12	4	48,0	33,6	14,4					
TỔNG 13:														
			86,00				86,0	71,6	14,4					

TT	Cơ quan/ địa phương chủ trì thực hiện	Nội dung hoạt động	Tổng kinh phí	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng/cái, lớp...)	Giai đoạn 2024-2025						
						Khối lượng	Tổng kinh phí	Ngân sách huyện	Ngân sách xã			
II	CÁC ĐỊA PHƯƠNG TRIỂN KHAI NĂM 2025 (II=14+15+...+22)	Tập huấn hướng dẫn phân loại, giám thiếu rác thải cho các hộ dân tại các thôn, tổ	827,00					827,0	683,0	144,0		
			30,00	lớp	5	6	30,0	30,0	-			
14	UBND xã Bình Quý	Hỗ trợ xây dựng hố rác gia đình	Hỗ trợ theo số lượng thực tế đăng ký thực hiện của địa phương									
			Bổ trí thùng rác tại các chợ	6,00	thùng	3	2	6,0	6,0	-		
			Bổ trí thùng rác tại khu vực công cộng	18,00	Thùng	3	6	18,0	18,0			
			Hỗ trợ Tô kiểm tra, giám sát của địa phương	72,00	thôn/năm	12	6	72,0	50,4	21,6		
			TỔNG 14:	126,00				126,0	104,4	21,6		
15	UBND xã Bình Định Bắc	Tập huấn hướng dẫn phân loại, giám thiếu rác thải cho các hộ dân tại các thôn, tổ	15,00	lớp	5	3	15,0	15,0	-			
			Hỗ trợ xây dựng hố rác gia đình	Hỗ trợ theo số lượng thực tế đăng ký thực hiện của địa phương								
			Bổ trí thùng rác tại các chợ	3,00	thùng	3	1	3,0	3,0	-		
			Bổ trí thùng rác tại khu vực công cộng	9,00	Thùng	3	3	9,0	9,0			
			Hỗ trợ Tô kiểm tra, giám sát của địa phương	36,00	thôn/năm	12	3	36,0	25,2	10,8		
TỔNG 15:	63,00				63,0	52,2	10,8					
16	UBND xã Bình An	Tập huấn hướng dẫn phân loại, giám thiếu rác thải cho các hộ dân tại các thôn, tổ	35,00	lớp	5	7	35,0	35,0	-			
			Hỗ trợ xây dựng hố rác gia đình	Hỗ trợ theo số lượng thực tế đăng ký thực hiện của địa phương								
			Bổ trí thùng rác tại các chợ	3,00	thùng	3	1	3,0	3,0	-		
			Bổ trí thùng rác tại khu vực công cộng	21,00	Thùng	3	7	21,0	21,0			
			Hỗ trợ Tô kiểm tra, giám sát của địa phương	84,00	thôn/năm	12	7	84,0	58,8	25,2		
TỔNG 16:	143,00				143,0	117,8	25,2					

TT	Cơ quan/ địa phương chủ trì thực hiện	Nội dung hoạt động	Tổng kinh phí	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng/cái, lớp...)	Giai đoạn 2024-2025				
						Khối lượng	Tổng kinh phí	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	
17	UBND xã Bình Hải	Tập huấn hướng dẫn phân loại, giảm thiểu rác thải cho các hộ dân tại các thôn, tổ	20,00	lớp	5	4	20,0	20,0	-	-
		Hỗ trợ xây dựng hố rác gia đình								
		Bố trí thùng rác tại các chợ	-	thùng	3	0	-	-	-	-
		Bố trí thùng rác tại khu vực công cộng	12,00	Thùng	3	4	12,0	12,0		
		Hỗ trợ Tổ kiểm tra, giám sát của địa phương	48,00	thôn/ năm	12	4	48,0	33,6	14,4	
		TỔNG 17:	80,00				80,0	65,6	14,4	
18	UBND xã Bình Quế	Tập huấn hướng dẫn phân loại, giảm thiểu rác thải cho các hộ dân tại các thôn, tổ	20,00	lớp	5	4	20,0	20,0	-	-
		Hỗ trợ xây dựng hố rác gia đình								
		Bố trí thùng rác tại các chợ	3,00	thùng	3	1	3,0	3,0	-	-
		Bố trí thùng rác tại khu vực công cộng	12,00	Thùng	3	4	12,0	12,0		
		Hỗ trợ Tổ kiểm tra, giám sát của địa phương	48,00	thôn/ năm	12	4	48,0	33,6	14,4	
		TỔNG 18:	83,00				83,0	68,6	14,4	
19	UBND xã Bình Lãnh	Tập huấn hướng dẫn phân loại, giảm thiểu rác thải cho các hộ dân tại các thôn, tổ	30,00	lớp	5	6	30,0	30,0	-	-
		Hỗ trợ xây dựng hố rác gia đình								
		Bố trí thùng rác tại các chợ	3,00	thùng	3	1	3,0	3,0	-	-
		Bố trí thùng rác tại khu vực công cộng	18,00	Thùng	3	6	18,0	18,0		
		Hỗ trợ Tổ kiểm tra, giám sát của địa phương	72,00	thôn/ năm	12	6	72,0	50,4	21,6	
		TỔNG 19:	123,00				123,0	101,4	21,6	

TT	Cơ quan/ địa phương chủ trì thực hiện	Nội dung hoạt động	Tổng kinh phí	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng/cái, lớp...)	Giai đoạn 2024-2025					
						Khối lượng	Tổng kinh phí	Ngân sách huyện	Ngân sách xã		
20	UBND xã Bình Định Nam	Tập huấn hướng dẫn phân loại, giám thiếu rác thải cho các hộ dân tại các thôn, tổ	15,00	lớp	5	3	15,0	15,0	-	-	
		Hỗ trợ xây dựng hố rác gia đình									
		Bố trí thùng rác tại các chợ			3	0	-	-	-	-	
		Bố trí thùng rác tại khu vực công cộng	9,00	Thùng	3	3	9,0	9,0			
		Hỗ trợ Tổ kiểm tra, giám sát của địa phương	36,00	thôn/ năm	12	3	36,0	25,2	10,8		
		TỔNG 20:	60,00				60,0	49,2	10,8		
21	UBND xã Bình Nguyễn	Tập huấn hướng dẫn phân loại, giám thiếu rác thải cho các hộ dân tại các thôn, tổ	20,00	lớp	5	4	20,0	20,0	-	-	
		Hỗ trợ xây dựng hố rác gia đình									
		Bố trí thùng rác tại các chợ	3,00	thùng	3	1	3,0	3,0		-	
		Bố trí thùng rác tại khu vực công cộng	12,00	Thùng	3	4	12,0	12,0			
		Hỗ trợ Tổ kiểm tra, giám sát của địa phương	48,00	thôn/ năm	12	4	48,0	33,6	14,4		
		TỔNG 21:	83,00				83,0	68,6	14,4		
22	UBND xã Bình Trị	Tập huấn hướng dẫn phân loại, giám thiếu rác thải cho các hộ dân tại các thôn, tổ	15,00	lớp	5	3	15,0	15,0	-	-	
		Hỗ trợ xây dựng hố rác gia đình									
		Bố trí thùng rác tại các chợ	6,00	thùng	3	2	6,0	6,0		-	
		Bố trí thùng rác tại khu vực công cộng	9,00	Thùng	3	3	9,0	9,0			
		Hỗ trợ Tổ kiểm tra, giám sát của địa phương	36,00	thôn/ năm	12	3	36,0	25,2	10,8		
		TỔNG 22:	66,00				66,0	55,2	10,8		
III	18 xã thực hiện trong giai đoạn 2024 - 2025	Hỗ trợ xây dựng hố rác gia đình	3.240,00				3.240,0	3.240,0	-		